

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (Vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu khởi kiện: Ông H và bà Huỳnh Thị H1 tự tìm hiểu nhau, rồi tiến đến chung sống năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An vào năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H làm nghề lái xe buýt, phải đi sớm về khuya nên bà H1 ghen tuông cho rằng ông H không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bỏ bê vợ con không quan tâm chăm sóc. Từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm. Bà H1 cùng các con đã bỏ về nhà mẹ ruột để sống từ năm 2010 nên vợ chồng đã ly thân nhau từ đó đến nay không hàn gắn lại được.

Do vợ chồng đã ly thân nhau trong thời gian dài, đến nay ai cũng có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị H1.

- Về con chung: Ông H và bà H1 chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 29/6/2005; giới tính: Nam và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 04/6/2007; giới tính: Nam; các con chung hiện đang do bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, các con chung do bà H1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H đồng ý giao các con chung cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Huỳnh Thị H1 đối với yêu cầu khởi của ông H: Bà H1 thống nhất với ông H về thời gian chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân như trình bày. Riêng về mâu thuẫn, là do ông H1 không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bỏ bê vợ con không quan tâm chăm sóc. Do vợ chồng ly thân nhau đã nhiều năm, đến nay ai cũng đã có cuộc sống riêng, bà H1 không còn tình cảm yêu thương gì với ông H nên ông H yêu cầu ly hôn bà H1 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà H1 đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà H1 và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 29/6/2005; giới tính: Nam và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 04/6/2007; giới tính: Nam; các con chung hiện đang do bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H1 yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H1 xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H1 cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà H1 các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 16/9/2021 bà H1 sau khi có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên mặc dù bà H1 và ông H thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án nhưng Tòa án không thể tiến hành hòa giải để công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự được.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Chứng cứ do ông H cung cấp: Giấy khai sinh của các cháu Nguyễn Khắc H2 và Nguyễn Huy H3 (bản sao).

- Chứng cứ do bà Huỳnh Thị H1 cung cấp: Bản tự khai ngày 16/9/2021; Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông H và bà H1 (bản chính); Bản ghi ý kiến của các cháu Khắc H2 và Huy H3 ngày 16/9/2021.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Ông H và bà H1 chung sống năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An vào năm 2011 theo quy định của pháp luật.

- Thời gian ly thân: Ông H và bà H1 ly thân từ năm 2010 đến nay.

- Về con chung: Ông H và bà H1 thống nhất khi ly hôn bà H1 được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, ông H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà H1 thống nhất không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông H và bà H1 thống nhất cam kết không có nợ chung.

Các tình tiết đương sự không thống nhất:

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ông và bà H1 sống không hạnh phúc là do ông làm nghề tài xế xe khách, phải theo xe nên đi sớm về khuya bỏ bê vợ con thiếu quan tâm nên bà H1 ghen và từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm. Ngược lại, bà H1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà và ông H1 chung sống không hạnh phúc là do ông H1 không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bỏ bê vợ con không quan tâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị H1 chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà H1 đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà H1, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với bà H1: Do bà H1 có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H1.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

[4.1] Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Qua lời khai của ông H và bà H1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện do ông H không chung thủy, bỏ bê vợ con không quan tâm, chăm sóc dẫn đến trong tình cảm vợ chồng không còn thương yêu tin tưởng nhau. Ông H và bà H1 đã ly thân nhau trong thời gian dài cả hai bên đều đã có cuộc sống riêng tư của mình nên không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Ông H thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn, bà H1 đồng ý. Ông H và bà H1 tự nguyện thuận tình ly hôn, đồng thời thống nhất trong quá trình vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung nên không có tranh chấp. Việc thuận tình ly hôn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

[4.2] Về con chung: Ông H và bà H1 có 02 con chung tên Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 29/6/2005; giới tính: Nam và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 04/6/2007; giới tính: Nam; các con chung hiện đang do bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H và bà H1 thống nhất giao các con cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi ông H và bà H1 ly thân cho đến nay các con chung đều do bà H1 nuôi dưỡng. Quá trình bà H1 nuôi dưỡng, các cháu Khắc H2 và Huy H3 được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, các cháu Khắc H2 và Huy H3 đều có nguyện vọng được ở với bà H1 khi ông H và bà H1 ly hôn. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của ông H và bà H1 là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của các con chung về mọi mặt, sức khỏe, ổn định chỗ ở, học hành, phù hợp với nguyện vọng của các con và nguyện vọng của đương sự khi ly hôn. Do đó, việc quyết định giao các con chung là cháu Nguyễn Khắc H2 và Nguyễn Huy H3 cho bà H1 nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà H1 không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về chia tài sản chung: Ông H và bà H1 thống nhất xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Ông H và bà H1 cam kết không có do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Huỳnh Thị H1.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị H1.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 29/6/2005; giới tính: Nam và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 04/6/2007; giới tính: Nam; ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Hương không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0009233 ngày 30/6/2021 tại Chi Cục Thi

hành án dân sự huyện Đức Huệ sang án phí để thi hành (ông H đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị H1 có quyền kháng cáo toàn bộ bản án. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- UBND xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An (để cập nhật sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Ngân